

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2023/DS-ST

Ngày: 17 - 11 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Lê Văn Lý

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Kim Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc- Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông **Võ Túc Q**, sinh năm 1991; Địa chỉ: 32 Lý Tự Trọng, khu phố 2, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Ông **Đoàn Vàm C**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Long An;

Ông Q có mặt; ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M do ông Võ Túc Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 06/4/2022, ông Đoàn Vàm C có hỏi vay của bà M số tiền 800.000.000 đồng. Ông C có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE182550; thửa số 1503 tờ bản đồ số 10; diện tích 760m² ; tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Long An. Khi vay hai bên có lập hợp đồng thế chấp ông C hẹn đến ngày 06/10/2022 sẽ trả đủ số tiền vay và đồng thời bà M cũng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Tại thời điểm ký hợp đồng, do thông tin căn cước công dân của ông C chưa điều chỉnh trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thực hiện công chứng được hợp đồng thế chấp. Vì vậy, bà M và ông C lập văn bản giấy tay chứ không thực hiện công chứng. Ông C có ký tên ghi rõ họ tên vào hợp đồng. Từ khi vay, ông C có trả được 03 tháng tiền lãi thì ngưng không đóng nữa. Khi đến hạn trả số tiền vay thì ông C không thực hiện. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất là 0.83%/tháng tính từ ngày 07/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông Đoàn Vàm C đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Võ Túc Q đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc M vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Đoàn Vàm C trả số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất là 0.83%/tháng tính từ ngày 07/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/11/2023), tính tròn là 13 tháng, số tiền lãi yêu cầu là 86.320.000đồng. Bà M đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 182550 đối với thửa đất số 1503, tờ bản đồ số 10, diện tích 760m² tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Long An, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T cập nhật, điều chỉnh tên chủ sử dụng đất là ông Đoàn Vàm C.

Đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông Đoàn Vàm C theo Quyết định số 12/2023/QĐ-BPKCTT ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 và Điều 467 của Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt của đương sự: Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Bà M khởi kiện và cung cấp chứng cứ là hợp đồng thế chấp ngày 06/4/2022, nội dung thể hiện ông C có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 182550, thửa 1503 cho bà M để số tiền là 800.000.000đồng, thời hạn vay là đến ngày 06/10/2022. Ông Q đại diện theo ủy quyền của bà M xác định bà M đã giao tiền cho ông C và ông C giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 182550 nêu trên cho bà M. Bà M đã yêu cầu ông C trả tiền nợ nhiều lần nhưng ông C vẫn không thực hiện. Xét thấy, bị đơn ông Đoàn Vàm C vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về số tiền nợ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông C là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Q đại diện theo ủy quyền của bà M xác định ông C vay thời hạn 06 tháng nhưng chỉ trả được 03 tháng tiền lãi thì ngưng không trả lãi, đối với số tiền lãi trong hạn còn lại 03 tháng ông C chưa trả cho bà M thì ông Q xác định bà M không yêu cầu ông C trả thêm số tiền lãi trong hạn, bà M chỉ yêu cầu ông C trả lãi chậm thanh toán từ ngày 07/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/11/2023), tính tròn là 13 tháng, số tiền lãi yêu cầu là 86.320.000đồng. Xét thấy, đối với tiền lãi trong hạn các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Theo hợp

đồng nguyên đơn cung cấp thì ngày 06/10/2022 đến hạn trả nợ nhưng ông C không thực hiện nên bà M yêu cầu ông C phải trả lãi chậm thanh toán là phù hợp với quy định của pháp luật, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Toà án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M. Buộc ông Đoàn Vàm C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền gốc 800.000.000đồng và 86.320.000đồng tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 886.320.000 đồng.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc bà Nguyễn Thị Ngọc M có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Vàm C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 182550, số vào sổ cấp GCN: CS 02820 đối với thửa đất số 1503, tờ bản đồ số 10, diện tích 760m² tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Long An, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T cập nhật, điều chỉnh tên chủ sử dụng đất là ông Đoàn Vàm C.

[7] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2023/QĐ-BPKCTT ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

[8] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[9] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[10] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[11] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đoàn Vàm C phải chịu số tiền 38.590.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 467, 470, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với ông Đoàn Vàm C.

Buộc ông Đoàn Vàm C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) nợ gốc và 86.320.000 đồng (tám mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 886.320.000 đồng (tám trăm tám mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc bà Nguyễn Thị Ngọc M có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Vàm C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 182550, số vào sổ cấp GCN: CS 02820 đối với thửa đất số 1503, tờ bản đồ số 10, diện tích 760m² tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Long An, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T cập nhật, điều chỉnh tên chủ sử dụng đất là ông Đoàn Vàm C.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2023/QĐ-BPKCTT ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

4. Về án phí:

Ông Đoàn Vàm C phải chịu số tiền 38.590.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà M số tiền 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009254 ngày 14 tháng 8 năm 2023 (theo thông báo nộp tiền án phí số 213/TB-TA ngày 09/8/2023) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án

của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

7. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật